

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn của Công ty TNHH Đầu tư Tân Hưng Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1060/STNMT-CCBVMT ngày 05/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn của Công ty TNHH Đầu tư Tân Hưng Phát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/CV-THP ngày 15/5/2024 của Công ty TNHH Đầu tư Tân Hưng Phát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 581/TTr-STNMT ngày 23/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Tân Hưng Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM XÃ NHƠN THỌ, THỊ XÃ AN NHƠN
TẠI XÃ NHƠN THỌ, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TÂN HƯNG PHÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Tân Hưng Phát; số điện thoại: 0985.983.466.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích: 10,35 ha.
- Quy mô: gồm 263 lô đất ở với dân số khoảng 1.052 người.
- Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình nhà ở	48.809,24	47,14
1	Đất xây dựng nhà liền kề và biệt thự	38.892,08	37,56
2	Đất xây dựng nhà ở xã hội	9.917,16	9,58
II	Đất công viên, cây xanh	11.840,18	11,44
III	Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật	42.890,56	41,42
1	Đất trạm xử lý nước thải	49,00	0,04
2	Đất bãi đỗ xe	2.743,23	2,65
3	Đất giao thông khác	40.098,33	38,73
Tổng cộng		103.539,98	100,00

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (103.539,98 m²), bố trí 263 lô đất ở với diện tích 38.892,08 m²; 01 khu đất nền nhà ở xã hội có diện tích 9.917,16 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 hệ thống XLNT công suất 100 m³/ngày.đêm, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 11.840,18 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ Dự án.

- Tác động từ quá trình xây dựng và hoạt động của khu Nhà ở xã hội.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 98.294,48 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công, vận chuyển.

- Hoạt động thi công xây dựng tại dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân tại khu vực nhà liền kề và biệt thự của dự án phát sinh với tổng lưu lượng khoảng 84 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 303 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 31,05 - 51,75 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ thải phát sinh với khối lượng khoảng 18.902 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 34,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 720,55 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 18 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,....

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của

người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Trong quá trình san nền, sẽ tạo hệ thống rãnh nhỏ đào tạm xung quanh khu vực để tiện thoát nước mưa, dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh xâm nhập vào nước mưa chảy tràn.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ, bố trí các tuyến cống BTCT có đường kính từ D600 – D1000 để thu gom nước mưa của dự án.

- Đối với hướng thoát nước từ Đông sang Tây:

+ Cửa xả 1: Thoát nước cho khu vực phía Bắc dự án với tổng diện tích khoảng 3,57 ha. Nước mưa được thu gom về tuyến cống D800 trên đường ĐS3 sau đó thoát về cửa xả ở phía Tây (CX1), tại góc đường ĐS2 và ĐS5, tọa độ điểm xả: $X = 1.532.332$; $Y = 587.134$.

+ Cửa xả 2: Thoát nước cho khu vực phía Nam dự án với tổng diện tích khoảng 5,12 ha (bao gồm diện tích khu đất ở phía Nam ngoài dự án). Nước mưa được thu gom về tuyến cống D600 trên đường ĐS3 sau đó thoát về cửa xả ở phía Tây (CX2) tại góc đường ĐS2 và ĐS7, tọa độ điểm xả: $X = 1.532.196$; $Y = 587.114$.

- Đối với hướng thoát nước từ Tây sang Đông: đối với nước mưa trên đường ĐS1 đầu nối về hồ ga (tọa độ: $X = 1.532.180$; $Y = 587.477$) sau đó dẫn về cống thoát nước D600 của khu dân cư xóm Thọ Mỹ.

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn đầu: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng cụm 02 bồn Composite với tổng công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (chia làm 2 mô đun, mỗi mô đun có công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) đặt tại khu vực phía Tây Bắc dự án; nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng tuyến cống thoát nước thải D160 – D300, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1). Nước thải sau xử lý dẫn theo đường ống HDPE D300 xả ra bầu Thỏ Ngừ phía Tây dự án (Tọa độ điểm xả thải: X = 1.532.367; Y = 587.162).

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (bầu Thỏ Ngừ phía Tây dự án).

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng; hệ thống xử lý nước thải của dự án ($100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) sẽ được chuyển đổi công năng thành thành trạm bơm; bơm về hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực để xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đứng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp vào diện tích cây xanh của dự án, không vận chuyển đổ thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

+ Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng được tận dụng để

san lấp mặt bằng cho khu vực công trình và cam kết không san lấp vào phần diện tích bố trí nhà ở xã hội.

b) Giai đoạn hoạt động: Người dân tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Dự án có ảnh hưởng đến Kênh N4 (mương bê tông, kích thước 1,0x1,2m, chiều dài 300m) thuộc hệ thống kênh hồ Núi Một do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, khai thác, dự án lấp đặt tấm đan trên mặt tuyến kênh N4, dọc tuyến đường nội bộ ĐS1; bố trí các hố ga thăm phục vụ công tác quản lý vận hành; tại các vị trí giao cắt của tuyến kênh với các tuyến đường nội bộ khu dân cư xây dựng tấm đan chịu lực.

- Đối với tuyến mương đất phía Bắc dự án: hoàn trả tuyến mương đất (B = 1,2m, L = 103,0m) đúng hiện trạng kênh ban đầu, cùng kích thước, độ dốc kênh, đảm bảo phục vụ tưới, tiêu sản xuất nông nghiệp được ổn định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ;

tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh trong thời gian thi công

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại khu vực trước công trường THCS Nhơn Thọ (tọa độ X = 1.532.254; Y = 587.509, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

+ 01 vị trí tại nút giao tuyến đường QL19 và đường bê tông phía Đông dự án (tọa độ: X = 1.532.411; Y = 587.560, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/ lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong thời gian thi công

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: X = 1.532.362; Y = 587.177; hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), dầu mỡ động thực vật, Coliforms.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1).

- Tần suất quan trắc: thực hiện giám sát theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận và theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng quy chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.